

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 28 /4/ 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tất Dũng.

Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:* Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1967/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm A, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*Bị đơn:* - Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1993/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 cư trú tại xóm C, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có họ hàng với bên chồng bà T. Do đó khi chị T1 hỏi vay tiền bà T đã cho chị T1 vay số tiền lần đầu là 50.000.000 đồng vào tháng 4 năm 2021, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn trả là khi nào bà T đòi thì phải thông báo trước 10 ngày. Sau đó đến tháng 6 năm 2021 khi chị T1 tiếp tục hỏi vay tiền bà đã cho chị T1 vay nóng số tiền 200.000.000 đồng trong thời hạn 03

ngày để chị T1 đảo thẻ chip cho các giáo viên cùng trường nơi chị T1 công tác. Tuy nhiên đến nay đã quá hạn gần 01 năm chị T1 vẫn chưa trả cho bà T khoản tiền nào cho dù bà đã nhiều lần đòi chị T1 phải trả ngay toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng đã vay, có lần chị T1 viết giấy hẹn trả nhưng đến thời gian phải trả chị T1 vẫn không trả. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Lê Thị T số tiền gốc tổng cộng là **250.000.000 đồng** đã vay đến hạn trả nhưng không trả và tiền lãi 1%/tháng tính từ tháng 06 năm 2021 đến tháng ngày Tòa án xét xử là **25.000.000 đồng**, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là **275.000.000 đồng**. Số tiền bà T cho chị T1 vay là của riêng bà T do bà đi vay của người khác rồi về cho chị T1 vay.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị với bà Lê Thị T có quan hệ họ hàng bên chồng bà T. Vào khoảng tháng 3 năm 2021 chị có vay của bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn trả là khi nào bà T đòi thì phải thông báo trước 10 ngày. Đến tháng 6 năm 2021 chị tiếp tục vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 ngày, tổng cộng chị đã vay của bà T 250.000.000 đồng từ tháng 6 năm 2021, có thỏa thuận về việc trả lãi suất 1,5%/ tháng. Do con chị còn nhỏ, chưa đi làm trở lại được và do khó khăn về kinh tế nên đến nay chị chưa có tiền trả cho bà T. Nay bà Lê Thị T yêu cầu chị phải trả số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 1%/tháng tính từ tháng 06 năm 2021 chị chấp nhận. Nhưng do khó khăn về kinh tế, con chị còn nhỏ nên chị không thể trả ngay cho bà T số tiền trên, mà chỉ có thể trả bà T trong vòng 03 năm tới, cứ 06 tháng trả 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, hạn cuối là ngày 31/12/2024. Số tiền này chị T1 vay của riêng bà T, không giao dịch vay mượn gì với chồng bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua cuộc thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được vào tháng 4 năm 2021 chị Nguyễn Thị T1 đã vay của bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận 1,5/ tháng để làm ăn, thời hạn trả là khi nào bà T đòi thì phải thông báo trước 10 ngày. Đến tháng 6 năm 2021 chị tiếp tục vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 ngày, tổng cộng chị đã vay của bà T 250.000.000 đồng từ tháng 6 năm 2021, có thỏa thuận về việc trả lãi suất. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay chị T1 đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả nợ, không trả tiền gốc và tiền lãi đúng hạn cho bà Lê Thị T, khi bà T đòi tiền thì chị T1 đã khát nợ nhiều lần, có lần còn viết giấy hẹn trả nợ nhưng đến hẹn chị T1 cũng không trả. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 phải trả ngay số tiền gốc đã vay là 250.000.000 đồng chưa trả và số tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến thời điểm Tòa án xét xử ngày hôm nay là 25.000.000 đồng, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là **275.000.000 đồng**, thấy rằng chị Nguyễn Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền lãi và tiền gốc cho bà T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Về yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến thời điểm Tòa án xét xử ngày hôm nay là 25.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu không vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (25.000.000 đồng : 10 tháng : 250.000.000 đồng x 100 = 12%/ năm), vì vậy cần chấp nhận.

Từ nhận định trên, căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là có căn cứ chấp nhận, cần buộc chị Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Lê Thị T 250.000.000 đồng tiền gốc đã vay và 25.000.000 đồng tiền lãi phát sinh từ khi vay cho đến thời điểm Tòa án xét xử ngày hôm nay, tổng cộng là **275.000.000 đồng**.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

[1]. Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Lê Thị T số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh chưa trả tổng cộng là **275.000.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành, chị Nguyễn Thị T1 không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2]. **Án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải nộp **13.750.000 đồng** tiền án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả bà Lê Thị T **7.500.000 đồng** tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0005262 ngày 15/02/2022.

[3]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDH. Đ;
- THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSPA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Nhưng**

